

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

BÁO CÁO GIÁM SÁT THỰC HIỆN KHHĐ REDD+ TỈNH
LAI CHÂU NĂM 2018

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng năm 2019
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu)*

Lai Châu, tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

1. Giới thiệu.....	1
2. Phạm vi giám sát	2
3. Phương pháp.....	2
4. Kết quả	4
4.1. Khung kết quả	4
4.1.1. Kết quả giám sát.....	4
4.1.2. Tồn tại	9
4.2. Khung môi trường xã hội.....	10
4.2.1. Kết quả giám sát.....	11
4.2.2. Tồn tại và nguyên nhân.....	18
5. Kết luận và khuyến nghị.....	20
5.1. Kết luận	20
5.2. Khuyến nghị.....	20
PHỤ LỤC	23

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 01. Kết quả giám sát gói giải pháp 1 - khung kết quả	5
Bảng 02. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 - khung kết quả	6
Bảng 03. Kết quả giám sát gói giải pháp 3 - khung kết quả	6
Bảng 04. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - khung kết quả	7
Bảng 05. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - khung kết quả	8
Bảng 06. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung kết quả.....	8
Bảng 07. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung kết quả.....	9
Bảng 08. Kết quả giám sát gói giải pháp 1- khung MTXH	11
Bảng 09. Kết quả giám sát gói giải pháp 1-khung MTXH	12
Bảng 10. Kết quả giám sát gói giải pháp 2-khung MTXH	12
Bảng 11. Kết quả giám sát gói giải pháp 2-khung MTXH	13
Bảng 12. Kết quả giám sát gói giải pháp 3-khung MTXH	14
Bảng 13. Kết quả giám sát gói giải pháp 4-khung MTXH	15
Bảng 14. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 -khung MTXH	16
Bảng 15. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 -khung MTXH	16
Bảng 16. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung MTXH	17
Bảng 17. Kết quả giám sát các gói giải pháp PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018	20

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 01. Bản đồ khu vực giám sát thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu	2
Hình 02. Các bước thực hiện giám sát PRAP	2
Hình 03. Thu thập thông tin phục vụ giám sát PRAP	3

DANH SÁCH PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Danh sách các xã ưu tiên thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu.....	23
Phụ lục 02. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018.....	24
(Khung kết quả).....	24
Phụ lục 03. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018.....	25
(Khung môi trường xã hội)	25
Phụ lục 04. Phân loại rủi ro môi trường theo nguyên tắc đảm bảo.....	26
an toàn CanCun	26
Phụ lục 05. Phân loại rủi ro xã hội theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun	26
Phụ lục 06. Tiêu chí phân ngưỡng các rủi ro.....	27
Phụ lục 07. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH các huyện ưu tiên năm 2018	

.....	28
Phụ lục 08. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Than Uyên năm 2018	
.....	30
Phụ lục 09. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Tân Uyên năm 2018	
.....	31
Phụ lục 10. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Tam Đường năm 2018	
.....	33
Phụ lục 11. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Sìn Hồ năm 2018.	34
Phụ lục 12. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Sìn Hồ năm 2018.	36
Phụ lục 13. Tổng hợp dân số năm 2018 các xã ưu tiên theo gói giải pháp.....	38

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

GSDG	:	Giám sát và đánh giá
KTXH	:	Kinh tế xã hội
MTXH	:	Môi trường xã hội
NN&PTNT	:	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PRAP	:	Kế hoạch hành động REDD+
REDD+	:	Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng Các-bon rừng
QLTNTNBV	:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
UBND	:	Ủy ban nhân dân

1. Giới thiệu

Thực hiện Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” đến năm 2030, được sự hỗ trợ của dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM) tài trợ bởi Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), UBND tỉnh Lai Châu đã xây dựng và phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (gọi tắt là PRAP) tại Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/9/2017. Theo nội dung của PRAP đã được phê duyệt, tỉnh phải thực hiện hoạt động giám sát hàng năm và báo cáo kết quả lên Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.

Nhằm mục đích theo dõi tình hình thực hiện PRAP, dưới sự chủ trì của Sở Nông nghiệp và PTNT và sự phối hợp với các cơ quan có liên quan, việc thực hiện các gói giải pháp PRAP được giám sát theo 2 nội dung như sau:

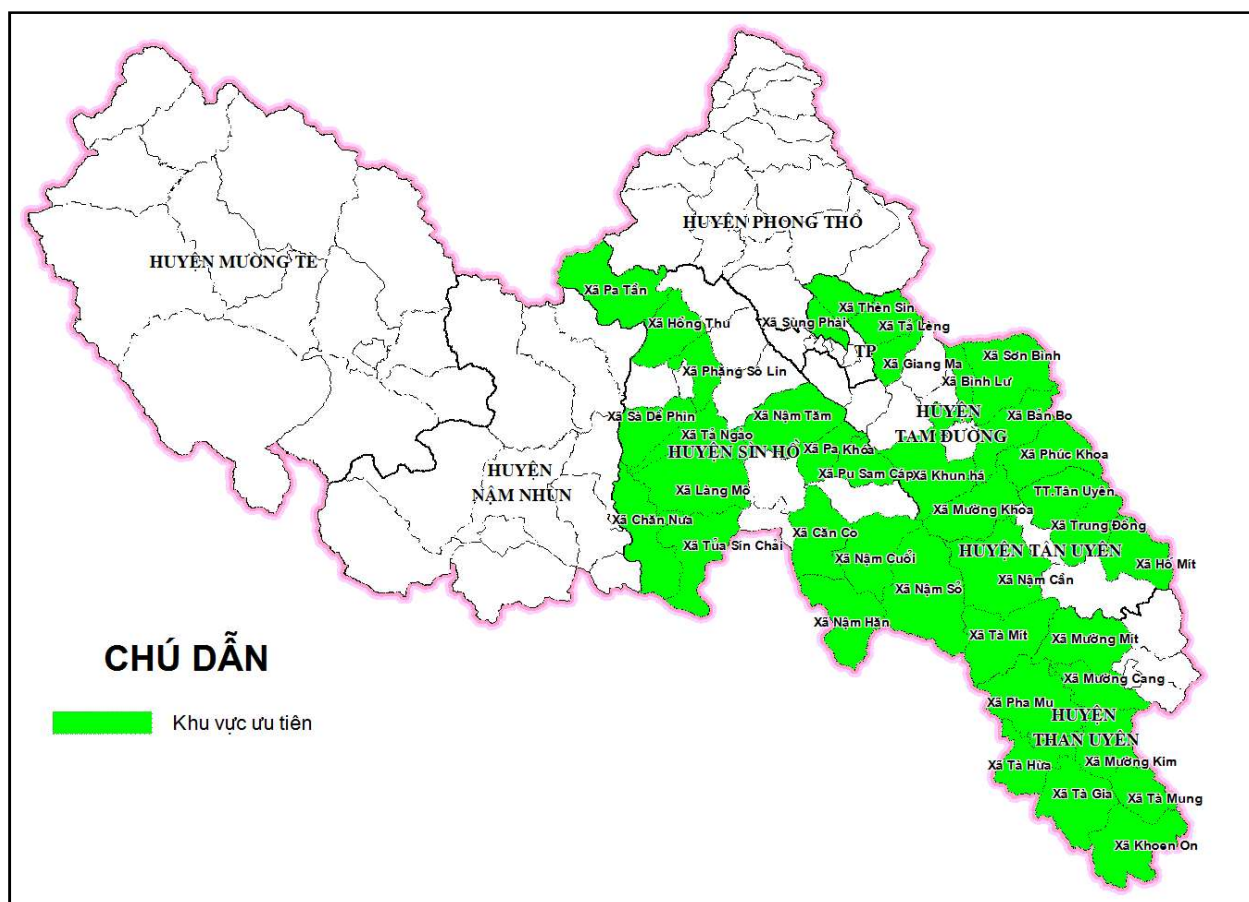
1. Khung kết quả bao gồm dữ liệu nền và chỉ số đầu ra (*Tham khảo chi tiết tại mục 3.1- khung kết quả, PRAP tỉnh Lai Châu*).

2. Khung môi trường xã hội (MTXH) bao gồm các rủi ro (*Tham khảo chi tiết tại mục 3.2 - khung MTXH, PRAP tỉnh Lai Châu*).

Trên cơ sở các kết quả đã đạt được, các tồn tại được xác định trong quá trình thực hiện PRAP năm 2018, để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất nhằm góp phần vào việc thực hiện thành công PRAP năm 2019 và hướng tới đạt được mục tiêu chung vào năm 2020.

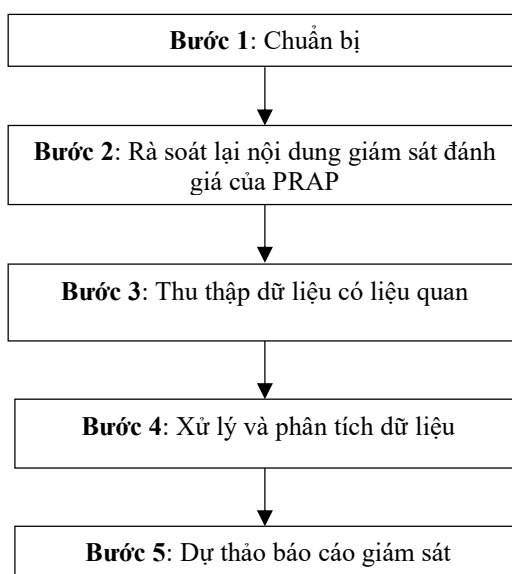
2. Phạm vi giám sát

Phạm vi giám sát thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu gồm 38 xã, trên địa bàn 4 huyện bao gồm Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ (*tham khảo chi tiết tại Phụ lục 01*), được thể hiện theo Hình 01:



Hình 01. Bản đồ khu vực giám sát thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu

3. Phương pháp



Hình 02. Các bước thực hiện giám sát PRAP

Quá trình giám sát PRAP về cơ bản cần thực hiện theo 5 bước như sau:

Bước 1: Công tác chuẩn bị

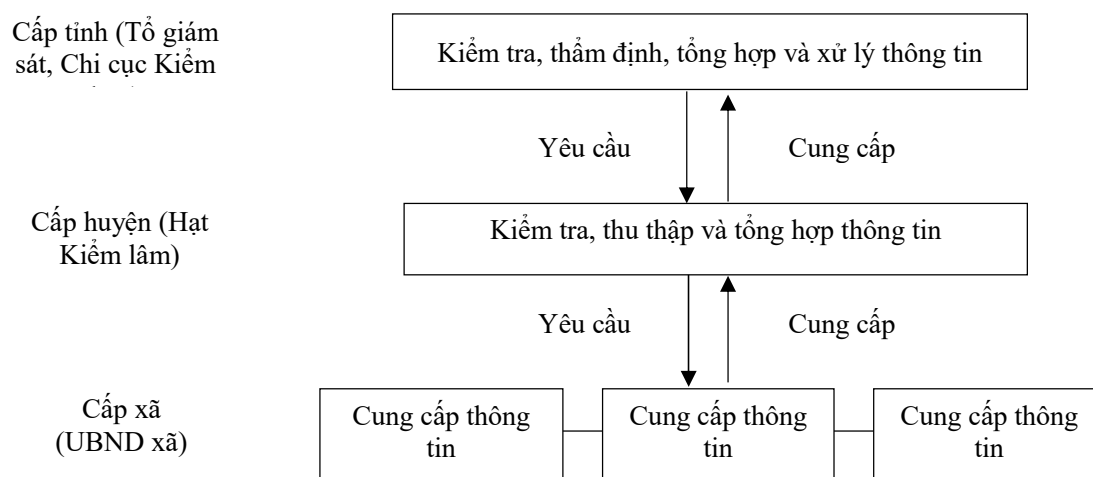
Công tác chuẩn bị bao gồm việc thành lập Tổ công tác cấp tỉnh phụ trách giám sát PRAP (Tổ giám sát); xây dựng và thống nhất đề cương báo cáo giám sát PRAP (Báo cáo giám sát). Tổ giám sát tỉnh Lai Châu được thành lập dựa trên nòng cốt là các thành viên của Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP. Dưới sự hỗ trợ của Dự án SNRM, đề cương báo cáo giám sát cũng đã được xây dựng và thống nhất giữa các thành viên trong Tổ, trước khi tiến hành các bước công việc tiếp theo.

Bước 2: Rà soát lại nội dung khung giám sát đánh giá (GSDG) của PRAP

Để đảm bảo nội dung giám sát có tính khả thi cao khi thực hiện, đặc biệt liên quan tới khả năng cung cấp và thu thập các thông tin đầu vào đạt độ chính xác dựa trên nguồn lực hiện có đồng thời phù hợp với điều kiện KTXH hiện tại của tỉnh, tại bước này nội dung khung giám sát đánh giá đã được rà soát, điều chỉnh lại cho hợp lý hơn.

Đối với khung MTXH, nếu yếu tố rủi ro có thể để lại những tác động tiêu cực tức thời tới MTXH tại nơi thực hiện các hoạt động PRAP, thì lợi ích là yếu tố có những tác động mang tính chất lâu dài, ít mang tính bức thiết hơn. Do vậy, quá trình giám sát MTXH năm 2018 chỉ tập trung vào phần rủi ro. (Chi tiết khung giám sát sau điều chỉnh, tham khảo phụ lục 02, phụ lục 03).

Bước 3: Thu thập dữ liệu



Hình 03. Thu thập thông tin phục vụ giám sát PRAP

Công việc thu thập các dữ liệu sẽ được tiến hành dựa trên khung giám sát sau khi đã được điều chỉnh. Dữ liệu phục vụ giám sát khung kết quả được cung cấp bởi Chi cục Kiểm lâm thông qua hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (TDDBTNR), các báo cáo tổng kết năm,... Với một số gói giải pháp (ví dụ như gói giải pháp 05), chỉ số giám sát được tính dựa trên kết quả thực hiện của cả giai đoạn (2017-2020), trong trường hợp này, thông tin bổ sung được thu thập để đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, trên cơ sở đó hỗ trợ cho việc xác định chỉ số vào cuối năm 2020.

Việc thu thập dữ liệu phục vụ giám sát khung MTXH được giao cho các Hạt Kiểm lâm thuộc các huyện ưu tiên (Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Sin Hồ), trong đó người chịu trách nhiệm chính là Kiểm lâm địa bàn phụ trách xã ưu tiên. Nhằm hướng dẫn về nội dung và phương pháp thu thập thông tin, một lớp tập huấn cho Kiểm lâm địa bàn đã được tổ chức. Cùng với đó, các mẫu biểu phục vụ khảo sát cũng đã được thiết kế

sẵn. Trên cơ sở hệ thống mẫu biểu, Kiểm lâm địa bàn sẽ phỏng vấn trực tiếp các cán bộ của UBND xã ưu tiên (Phó Chủ tịch phụ trách nông lâm, cán bộ nông lâm, địa chính, công an xã,...) để thu thập thông tin theo yêu cầu.

Tổ giám sát chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả phản hồi từ cấp huyện. Bên cạnh đó, nhằm kiểm chứng lại chất lượng của dữ liệu đã thu thập, đồng thời tìm hiểu thêm thông tin phục vụ xây dựng báo cáo, Tổ giám sát đã lựa chọn 1 xã/huyện để tiến hành khảo sát. Xã được lựa chọn phải đáp ứng được ít nhất 1 trong 2 tiêu chí: Đang thực hiện thí điểm REDD+; đảm bảo tính đa dạng các gói giải pháp. Ngoài ra, kết quả thu thập thông tin từ cấp huyện gửi lên cũng là một căn cứ để lựa chọn. Các xã còn thiếu hoặc chất lượng thông tin chưa đạt yêu cầu sẽ được ưu tiên. Với các tiêu chí như trên, các xã Mường Mít (huyện Than Uyên), Trung Đông (huyện Tân Uyên), Khun Há (huyện Tam Đường), Nậm Cười (huyện Sìn Hồ) đã được lựa chọn.

Bước 4: Xử lý và phân tích dữ liệu

Dựa trên các dữ liệu thu thập được, công việc tiếp theo là tiến hành xử lý và tổng hợp các thông tin theo các mẫu biểu được thiết kế sẵn. Đối với khung kết quả, tùy theo đặc thù từng gói giải pháp, thông tin được xử lý một cách phù hợp. Đặc biệt đối với các gói giải pháp mà các chỉ số được thiết lập mang tính giai đoạn, các thông tin gián tiếp được xác định nhằm thực hiện giám sát hàng năm; các gói giải pháp còn lại, thông tin được tổng hợp và so sánh với chỉ số đầu ra.

Đối với khung MTXH, các rủi ro được xác định một cách định tính và định lượng theo hướng có xảy ra hay không và ở mức độ nào, số thôn bản có xảy ra rủi ro, số người bị ảnh hưởng,... Trong báo cáo này, dựa trên đặc điểm, tình hình KTXH của tỉnh cũng như đặc thù của từng gói giải pháp, các rủi ro đã được tổng hợp và phân ngưỡng theo 3 mức: Thấp, trung bình, cao (*tiêu chí phân ngưỡng các rủi ro chi tiết tại Phụ lục 06*). Về cơ bản, căn cứ để xác định các ngưỡng phân loại được dựa trên số liệu khảo sát thực tế năm 2018 và số liệu thống kê bởi CCKL qua các năm 2016, 2017. Theo đó, một gói giải pháp được coi là thực hiện thành công về MTXH chỉ khi để rủi ro xảy ra ở mức ảnh hưởng thấp. Ngược lại, các gói giải pháp để xảy ra rủi ro ở mức ảnh hưởng trung bình và cao thì được xếp loại chưa hoàn thành mục tiêu.

Bước 5: Dự thảo báo cáo giám sát

Dữ liệu của bước 4 được sử dụng để xây dựng báo cáo giám sát. Những thông tin tích cực cho biết liệu chúng ta đang tiếp cận gần mục tiêu của PRAP hay chưa. Các thông tin mang tính tiêu cực cũng được sử dụng để phân tích, từ đó sẽ đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp. Công việc xây dựng báo cáo cũng cần tuân thủ theo đề cương đã thống nhất nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu của tỉnh, cũng như hài hòa được với các thông lệ của quốc gia và quốc tế về REDD+.

4. Kết quả

4.1. Khung kết quả

Hiện tại, việc giám sát các gói giải pháp (cấp đầu ra) dựa trên khung kết quả cũng được tiến hành nhằm theo dõi quá trình thực hiện PRAP có được triển khai theo đúng kế hoạch và hướng tới đạt được mục tiêu như mong đợi hay không. Trên cơ sở đó đã xác định các tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp can thiệp phù hợp.

Đồng thời, việc giám sát các hoạt động thuộc các gói giải pháp (cấp kết quả), được triển khai nhằm theo dõi tình hình thực hiện REDD+ tại cấp cơ sở, trong đó có xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên đang thực hiện thí điểm dưới sự hỗ trợ của dự án SNRM.

(Lưu ý: theo dõi các hoạt động cấp kết quả không thuộc phạm vi của báo cáo này)

4.1.1. Kết quả giám sát

a) Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng

Dữ liệu nền: Số vụ cháy rừng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2016 là 7 vụ; Diện tích rừng bị cháy bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2016 là 18,60 ha.

Chỉ số đầu ra: Số vụ cháy rừng/điện tích rừng bị cháy bình quân/năm giảm từ 20% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018

Nguồn dữ liệu: Hệ thống TDDBTNR, hồ sơ các vụ cháy rừng của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 01. Kết quả giám sát gói giải pháp 1 - khung kết quả

Huyện	Số vụ cháy rừng			Diện tích cháy rừng		
	Số vụ (vụ)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra	Diện tích (ha)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra
Than Uyên	0			0		
Tân Uyên	4			21,43		
Sìn Hồ	0			0		
KV ưu tiên	4	- 43%	Đạt	21,43	+ 15%	Không đạt

Theo Bảng 01, khu vực ưu tiên có xảy ra 4 vụ cháy rừng, giảm 43% số vụ cháy so với dữ liệu nền; diện tích rừng bị cháy 21,43 ha, tăng 15% so với dữ liệu nền. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 1 tại khu vực ưu tiên trong năm 2018 không hoàn thành mục tiêu do diện tích rừng bị cháy trong năm cao hơn so với diện tích rừng bị cháy bình quân hàng năm của giai đoạn 2011-2016.

Nguyên nhân chính được xác định là: Diện tích rừng bị cháy chủ yếu là rừng trồng Keo của chủ rừng là Công ty TNHH MTV xây dựng Phong Minh, những năm gần đây công ty không quan tâm đầu tư chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng dẫn đến thực bì phát triển mạnh tạo vật liệu dễ cháy vào mùa khô, khi xảy ra cháy gây thiệt hại lớn về diện tích; mặt khác, do công tác tuyên truyền của các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn tại cơ sở chưa thực sự hiệu quả đối với một bộ phận người dân sống gần rừng, do đó người dân vẫn sử dụng lửa trong các hoạt động sản xuất như đốt thực bì làm nương, đốt ong lấy mật,... để xảy ra cháy lan vào rừng, ngoài ra do địa hình khu vực xảy ra cháy chia cắt mạnh, độ dốc lớn, cao và xa nên công tác tiếp cận điểm cháy và triển khai chữa cháy gặp rất nhiều khó khăn thách thức.

b) Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy

Dữ liệu nền: Số vụ phá rừng bình quân giai đoạn 2011-2016 6 vụ/năm; diện tích nương rẫy 31.625 ha.

Chỉ số đầu ra: Số vụ phá rừng bình quân/năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020; diện tích nương rẫy giảm 5%/năm trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Hệ thống TDDBTNR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 02. Kết quả giám sát gói giải pháp 2 - khung kết quả

Huyện	Số vụ phá rừng làm nương			Diện tích phá rừng làm nương		
	Số vụ (vụ)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt_so với chỉ số đầu ra	Diện tích (ha)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt_so với chỉ số đầu ra
Than Uyên	0			1.525		
Sìn Hồ	0			13.473		
KV ưu tiên	0	- 100%	Đạt	14.998	- 53%	Đạt

Theo Bảng 02, khu vực ưu tiên không xảy ra hiện tượng phá rừng làm nương, giảm 100% số vụ vi phạm so với dữ liệu nền; diện tích nương rẫy khoảng 14.998 ha, giảm 53% so với dữ liệu nền. Do đó kết quả thực hiện gói giải pháp 2 tại khu vực ưu tiên trong năm 2018 đã hoàn thành kế hoạch đề ra.

Kết quả đạt được như trên là do chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân phát triển sản xuất nông nghiệp của nhà nước đã phát huy hiệu quả, người dân chủ yếu thực hiện canh tác trên nương cố định, áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để nâng cao sản lượng cũng như giá trị sản xuất; ngoài ra, lực lượng lao động trẻ chủ yếu đi làm công nhân ở các khu công nghiệp của các tỉnh khác, dẫn đến thiếu nhân lực sản xuất nên người dân không phát triển thêm diện tích nương, thậm chí bỏ hoang diện tích nương canh tác hiệu quả kinh tế không cao.

c) Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG) sai quy định, không bền vững

Dữ liệu nền: Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra bình quân/năm giai đoạn 2010-2016 là 8 vụ.

Chỉ số đầu ra: Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra bình quân/năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Hệ thống TDDBTNR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 03. Kết quả giám sát gói giải pháp 3 - khung kết quả

Huyện	Số vụ khai thác rừng trái phép	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt_so với chỉ số đầu ra
Tam Đường	2		
Sìn Hồ	29		
KV ưu tiên	31	+ 288%	Không đạt

Theo Bảng 03, khu vực ưu tiên xảy ra 31 vụ khai thác rừng trái pháp luật, tăng 288% so với dữ liệu nền. Do đó kết quả thực hiện gói giải pháp 3 tại khu vực ưu tiên trong năm 2018 đã không hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nguyên nhân về số vụ khai thác rừng trái phép năm 2018 tăng so với giai đoạn trước là do: giai đoạn 2011 - 2016 theo quy định của pháp luật người dân được phép khai thác gỗ từ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu (làm nhà; làm cày, bừa; đun nấu, sưởi ấm, ...), tuy nhiên từ năm 2017 đến nay thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương và Thông báo số 511/TB-VPCP ngày 01/11/2017

của Văn phòng Chính phủ thì việc khai thác gỗ gia dụng rừng tự nhiên bị cấm hoàn toàn, nhưng do phong tục tập quán, dân số ngày càng tăng và điều kiện kinh tế của người dân vẫn còn nhiều khó khăn không có điều kiện mua sắm các vật liệu thay thế do vậy người dân vẫn vào rừng khai thác và đẽ xẻ ra vi phạm, đây là nguyên nhân chính làm số vụ khai thác rừng trái phép tăng lên đột biến.

Theo kết quả xử lý vi phạm đã thống kê thì số vụ khai thác rừng trái phép có tăng so với giai đoạn trước tuy nhiên tính chất vụ việc chỉ mang tính nhỏ lẻ không nghiêm trọng (các hành vi bị xử phạt chủ yếu là khai thác củi phục vụ đun nấu sưởi ấm, khai thác gỗ để đẽ cày, bừa phục vụ sản xuất,...).

d) Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng

Dữ liệu nền: 3.014 ha trồng thảo quả năm 2016; 0% hộ trồng thảo quả sử dụng phương pháp tiết kiệm nguyên liệu vào năm 2016.

Chỉ số đầu ra: Đảm bảo không có diện tích thảo quả được trồng mới trong khu vực ưu tiên trong giai đoạn 2017-2020; 50% số hộ trồng thảo quả sử dụng phương pháp tiết kiệm nguyên liệu vào năm 2020.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Báo cáo thực hiện phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và kết quả thu thập thông tin của Kiểm lâm địa bàn các huyện ưu tiên năm 2018.

Bảng 04. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 - khung kết quả

Huyện	Diện tích trồng mới thảo quả			% số hộ sử dụng phương pháp tiết kiệm củi để sấy thảo quả		
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra	Số hộ sử dụng phương pháp sấy tiết kiệm củi (%)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra
Tân Uyên	0			60		
Tam Đường	0			75		
Sìn Hồ	0			60		
KV ưu tiên	0	+ 0%	Đạt	65	+ 65%	Đạt

Theo Bảng 04, khu vực ưu tiên không có diện tích trồng thảo quả mới, có khoảng 65% số hộ trồng thảo quả đã sử dụng phương pháp sấy thảo quả tiết kiệm củi. Như vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 4 tại khu vực ưu tiên trong năm 2018 đã hoàn thành mục tiêu đề ra.

Kết quả trên đạt được là do chính quyền và nhân dân các địa phương đã thực hiện tốt chủ chương của tỉnh là không mở rộng diện tích trồng thảo quả và quản lý tốt diện tích thảo quả hiện có; từ kinh nghiệm đúc rút thực tế sản xuất, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn các hộ gia đình trồng thảo quả đã áp dụng phương pháp sấy tiết kiệm củi hiệu quả (thiết kế các lò sấy có độ kín, tập trung nhiệt độ qua đó thảo quả được sấy nhanh khô hơn, lượng củi sử dụng để sấy ít hơn rất nhiều so với phương pháp cũ).

e) Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng

Dữ liệu nền: Tỷ lệ rừng trồng thành rừng trong giai đoạn 2011-2016 là 70-75%.

Chỉ số đầu ra: Tỷ lệ rừng trồng thành rừng trong giai đoạn 2017-2020 là 80%.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Báo cáo đánh giá hết giai đoạn đầu tư của các Ban quản lý rừng

phòng hộ tại các huyện ưu tiên.

Bảng 05. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 - khung kết quả

Huyện	Diện tích rừng trồng năm 2017 (ha)	Tình hình sinh trưởng
Than Uyên	555,7	Từ trung bình trở lên
Tân Uyên	536,8	Từ trung bình trở lên
Sìn Hồ	1.139,8	Từ trung bình trở lên
KV ưu tiên	2.232,3	Từ trung bình trở lên

Lưu ý: việc giám sát gói giải pháp 5 chỉ áp dụng cho diện tích rừng trồng mới vào năm 2017.

Theo kế hoạch, chỉ số giám sát của Gói giải pháp 5 chỉ có thể được xác định vào cuối năm 2020. Tuy vậy, để đảm bảo việc đạt được mục tiêu đề ra, cần theo dõi, thống kê khối lượng diện tích rừng đã trồng hàng năm và trình hình sinh trưởng của diện tích rừng đã trồng. Theo Bảng 05, các huyện ưu tiên đã trồng được 2.232,3 ha rừng trồng mới, tình hình sinh trưởng của cây trồng từ trung bình trở lên.

Do vậy có thể kết luận, gói giải pháp 5 đã thực hiện thành công trong năm 2018.

f) Gói giải pháp chung (1): Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến nguồn tài nguyên rừng

Dữ liệu nền: 4 Hạt Kiểm lâm và 4 Ban quản lý rừng phòng hộ đang áp dụng phương pháp theo dõi diễn biến nguồn tài nguyên rừng cải tiến vào thời điểm năm 2016.

Chỉ số đầu ra: Đến năm 2020, hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng mới được áp dụng thành thạo và hiệu quả ở toàn bộ các huyện ưu tiên.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Báo cáo công tác TDDBTNR hàng năm của Chi cục Kiểm lâm.

Bảng 06. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung kết quả

Huyện	Áp dụng hệ thống TDTNR (thành thạo và hiệu quả/không thành thạo và hiệu quả)	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra
Than Uyên	Thành thạo và hiệu quả		
Tân Uyên	Thành thạo và hiệu quả		
Tam Đường	Thành thạo và hiệu quả		
Sìn Hồ	Thành thạo và hiệu quả		
KV ưu tiên	Thành thạo và hiệu quả	100%	Đạt

Theo Bảng 06, hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng đã được áp dụng thành thạo và hiệu quả trên toàn bộ địa bàn 4 huyện ưu tiên bao gồm Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường và Sìn Hồ. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp chung (1) đã hoàn thành mục tiêu năm 2018 và của cả giai đoạn.

g) Gói giải pháp chung (2): Nâng cao nhận thức về và đào tạo năng lực thực hiện REDD+

Dữ liệu nền: 70 số lượt cán bộ liên quan đã tham gia các cuộc hội thảo cấp tỉnh về xây dựng PRAP được tổ chức trong năm 2016 và 2017.

Chỉ số đầu ra: Tới năm 2020, 400 lượt người từ cấp tỉnh và các huyện ưu tiên được tham gia các khóa đào tạo và hội thảo nâng cao nhận thức về BĐKH và REDD+;

38 xã ưu tiên được tuyên truyền nâng cao nhận thức trong giai đoạn 2017-2020.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả phỏng vấn của các Hạt Kiểm lâm huyện ưu tiên, báo cáo năm dự án SNRM.

Bảng 07. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung kết quả

Huyện	Người tham gia các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức REDD+ và BDKH			Số xã/thị trấn ưu tiên được tuyên truyền		
	Số lượt người	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra	số xã/thị trấn	Tỷ lệ tăng (+)/giảm (-) so với dữ liệu nền	Đạt/không đạt so với chỉ số đầu ra
Than Uyên	13.007			8		
Tân Uyên	6.395			8		
Tam Đường	17.736			8		
Sìn Hồ	6.614			14		
Tổng cộng	43.752	+ 64.402%	Đạt	38	+ 100%	Đạt

Theo Bảng 07, tại các huyện ưu tiên đã có khoảng 43.752 lượt người (gồm người dân tại các cộng đồng thôn bản; giáo viên, học sinh tại các trường học,...) được tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về Lâm nghiệp, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng và các chính sách phát triển Lâm nghiệp của nhà nước, vượt xa so với kế hoạch đề ra của cả giai đoạn. Đối với chỉ số các xã ưu tiên được tuyên truyền, đã có 38/38 xã, thị trấn được tuyên truyền, nâng cao nhận thức. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 6 (gói giải pháp chung) đã hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra.

Có được kết quả như trên là nhờ vào công tác tuyên truyền, các kiến thức về bảo vệ và phát triển rừng đã được phổ biến khá tốt tới người dân qua đó góp phần vào việc thực hiện REDD+ cũng như giảm thiểu BDKH. Tuy vậy, do hạn chế về nguồn kinh phí, nên các đợt tuyên truyền chuyên sâu về REDD+ và BDKH vẫn chưa được tổ chức rộng rãi điều này dẫn đến đại đa số người dân và một bộ phận cán bộ cấp xã vẫn còn xa lạ với các khái niệm này.

Cũng cần phải lưu ý rằng, có sự không logic về mặt nội dung giữa dữ liệu nền, chỉ số đầu ra và kết quả thực tế đạt được. Cụ thể, đối tượng mục tiêu của dữ liệu nền là số lượt cán bộ, với chỉ số đầu ra thì không đề cập, trong khi đó đối tượng mục tiêu thể hiện trong kết quả đạt được lại là người dân, giáo viên và học sinh. Vấn đề này đã tạo nên sự khác biệt quá lớn về mặt con số, đặc biệt giữa dữ liệu nền (70 lượt người) và kết quả đạt được (43.752 lượt người). Tồn tại này cần phải khắc phục trong việc giám sát năm 2019.

4.1.2. Tồn tại

a) Tồn tại

- Gói giải pháp 1: Số vụ cháy rừng trong năm 2018 tại khu vực ưu tiên đã giảm giảm 43% so với số vụ cháy bình quân giai đoạn 2011-2016, tuy nhiên diện cháy lại cao hơn 15%.

- Gói giải pháp 3: Số vụ vi phạm pháp luật về khai thác rừng trong năm 2018 tăng cao so với số vụ bình quân giai đoạn 2011-2016 (31 vụ/8 vụ).

- Gói giải pháp chung (2): Tuy số lượt người được tuyên truyền đạt chỉ tiêu đề ra, nhưng chủ yếu tập trung trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng. Số đợt tuyên truyền chuyên sâu về REDD+ và BDKH còn hạn chế dẫn đến người dân, một số bộ phận cán bộ

còn còn chưa thực sự hiểu rõ về các khái niệm này.

b) Nguyên nhân

Các nguyên nhân dẫn đến tồn tại của gói giải pháp 1 và gói giải pháp 3 đã được phân tích chi tiết tại mục 4.1.1, tuy nhiên có thể tóm lược lại như sau:

- Gói giải pháp 1: Chủ rừng là các doanh nghiệp không quan tâm đầu tư chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng; công tác tuyên truyền của các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn tại cơ sở chưa thực sự hiệu quả đối với một bộ phận người dân sống gần rừng; ngoài ra do các yếu tố khách quan như địa hình khu vực xảy ra cháy chia cắt mạnh, độ dốc lớn, cao và xa nên công tác tiếp cận điểm cháy và triển khai chữa cháy gặp rất nhiều khó khăn thách thức.

- Gói giải pháp 3: Phong tục tập quán đặc thù của người dân, dân số ngày càng tăng, điều kiện kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn đã tạo áp lực ngày càng cao đối với nguồn tài nguyên rừng; các sản phẩm lâm sản có nguồn gốc tự nhiên quý, hiếm thường có giá trị cao và được ưu chuộng nên các đối tượng vẫn bất chấp các chế tài xử phạt theo quy định của pháp luật lén lút vào rừng khai thác, vận chuyển và mua bán trái phép lâm sản; quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp có sự thay đổi nên số liệu đầu vào mỗi thời kỳ là khác nhau.

- Gói giải pháp chung (2): Hạn chế về nguồn kinh phí để tổ chức các khóa tập huấn, tuyên truyền chuyên sâu về REDD+ và BĐKH.

Bên cạnh các nguyên nhân đặc thù của từng gói giải pháp, dưới đây là một số nguyên nhân có sự ảnh hưởng chung, đó là:

- Kết quả thực hiện REDD+ ở cấp gói giải pháp (cấp đầu ra) phụ thuộc rất nhiều và việc triển khai các hoạt động cụ thể (cấp kết quả). Trên thực tế, việc triển khai thực hiện cũng như giám sát các hoạt động ưu tiên (hợp phần II-PRAP) đã được tiến hành, tuy nhiên kết quả đạt được là chưa cao, đặc biệt khi so sánh với kết quả thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại xã Phúc Khoa. Điều này chắc chắn đã ảnh hưởng rất nhiều tới việc đạt được mục tiêu của các gói giải pháp.

- Sự thiếu hụt về nguồn vốn cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới việc thực hiện các gói giải pháp. Theo kế hoạch, tổng nhu cầu vốn để triển khai PRAP (hợp phần II) là 154.320 triệu đồng. Trong đó ngân sách địa phương đóng một vai trò quan trọng với 97.954 triệu đồng (chiếm 63%), tuy vậy cho tới nay, sự phân bổ kinh phí từ nguồn này còn rất hạn chế. Trong bối cảnh nguồn lực trong nước còn gặp khó khăn, thì tiến độ hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA khoảng 48.926 triệu đồng (chiếm khoảng 30%) thông qua dự án JICA3 vẫn còn tiến triển chậm. Lai Châu là một tỉnh miền núi nghèo thuộc vùng Tây Bắc, chưa tự chủ cân đối về ngân sách, hàng năm đều nhận trợ cấp từ Trung ương, nên nguồn lực tài chính dành các hoạt động REDD+ càng khó khăn.

4.2. Khung môi trường xã hội

Giám sát theo khung MTXH nhằm đảm bảo an toàn trong thực hiện REDD+ dựa trên 7 nguyên tắc an toàn CanCun. Các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện PRAP cần được giám sát chặt chẽ nhằm tránh phương hại tới MTXH nơi thực hiện REDD+. Mối liên hệ giữa các rủi ro về MTXH và 7 nguyên tắc an toàn CanCun được thể hiện tại Phụ lục 04 và Phụ lục 05. Để rõ hơn về phân ngưỡng ảnh hưởng rủi ro, căn cứ để xác định việc thực hiện các gói giải pháp thành công hay không về mặt đảm bảo an toàn MTXH, tham khảo mục 3 (bước 4) và phụ lục 06.

4.2.1. Kết quả giám sát

a) Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng

Rủi ro xã hội: Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống; xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 08. Kết quả giám sát gói giải pháp 1- khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng; số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	8 người	0,02%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
Tân Uyên	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	100 người	0,21%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
Sìn Hồ	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	7.676 người	24,14%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
KV ưu tiên	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	7.784 người	6,69%	Thấp
	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	Thấp

Theo Bảng 08, thực hiện gói giải pháp 1 tại khu vực ưu tiên không gây rủi ro xung đột về sử dụng và quản lý các nguồn tài nguyên; ảnh hưởng ở mức độ thấp đối với kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống (*tham khảo tiêu chí phân ngưỡng mức độ ảnh hưởng tại Phụ lục 06*). Như vậy, xét trên phương diện đảm bảo an toàn về mặt xã hội, việc thực hiện gói giải pháp 1 đã hoàn thành mục tiêu năm 2018.

Vấn đề mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống chủ yếu xảy ra tại huyện Sìn Hồ với tổng số người bị ảnh hưởng là 7.676 người (chiếm 24,14% dân số KV ưu tiên của huyện). Nhóm cộng đồng bị tác động phần lớn thuộc người dân tộc Mông, Dao, Thái đang sinh sống tại các khu vực gần rừng, tập trung tại các xã Pa Tần, Hồng Thu, Phăng Sô Lin, Tả Ngáo, Cấn Co. Sinh kế truyền thống của nhóm người này cũng phụ thuộc, đồng thời tác động trực tiếp lên tài nguyên rừng, đặc biệt là các hoạt động đốt ong để khai thác mật, đốt thực bì làm nương,... Do vậy, sự kiểm soát sử dụng lửa nhằm hạn chế cháy rừng không thể tránh khỏi những ảnh hưởng nhất định lên nhóm cộng đồng này.

b) Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng

Rủi ro môi trường: Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 09. Kết quả giám sát gói giải pháp 1-khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Diện tích (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy	152	
Tân Uyên	Diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy	421	
Sìn Hồ	Diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy	5	
KV ưu tiên	Diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy	578	Trung bình

Theo Bảng 09, khu vực ưu tiên có khoảng 578 ha diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy, tập trung chủ yếu ở huyện Tân Uyên với 421 ha (chiếm 73%). Như vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 1 đã không hoàn thành mục tiêu năm 2018 khi để xảy ra rủi ro về môi trường với sự ảnh hưởng ở mức độ trung bình.

Nguyên nhân rừng trồng tích tụ vật liệu cháy là do rừng trồng không được xử lý thực bì, hoặc được xử lý nhưng không tuân thủ quy trình kỹ thuật. Trên thực tế, đa số các hộ vẫn còn tư tưởng trồng rừng với mục đích để lấy tiền hỗ trợ của nhà nước, khi hết thời gian hỗ trợ, người dân rất ít quan tâm đến việc xử lý thực bì, chăm sóc rừng đã trồng. Mặt khác do hạn chế về nguồn kinh phí, các chủ rừng và người nhận khoán bảo vệ rừng không thực hiện xử lý thực bì thường xuyên theo quy trình kỹ thuật đối với rừng trồng thành rừng.

c) Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy

Rủi ro xã hội: Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên; mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ; mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm cáchuyện ưu tiên.

Bảng 10. Kết quả giám sát gói giải pháp 2-khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng, số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	2 vụ	Không áp dụng	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	8 người	0,02%	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	599 người	1,61%	
Sìn Hồ	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ	2.451 người	4,72%	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	6.258 người	12,05%	

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng, số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
KV ưu tiên	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	2 vụ	Không áp dụng	Thấp
	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	2.459 người	2,76%	Thấp
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	6.857 người	7,69%	Thấp

Theo Bảng 10, xét trên phương diện đảm bảo an toàn về mặt xã hội, kết quả thực hiện gói giải pháp 2 đã hoàn thành mục tiêu năm 2018 khi chỉ để xảy ra các rủi ro với mức độ ảnh hưởng thấp.

Rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống” xảy ra tập trung tại huyện Sìn Hồ với số người bị ảnh hưởng là 6.258 người, phân bố tại các xã Hồng Thu, Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Pa Tần, Tủa Sín Chải, Nậm Cuối, Căn Co (chiếm 12,05% dân số KV ưu tiên của huyện). Nguyên nhân được xác định là do nhiều bộ phận người dân đang thực hiện canh tác truyền thống, luân canh trên diện tích nương cũ của tổ tiên để lại. Tuy nhiên do đất đai bạc màu nên diện tích này sau khi bị bỏ hoang trong một thời gian dài, đã tái sinh lại thành rừng và được chính quyền địa phương đã đưa vào diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng. Về mặt chủ trương là đúng, tuy vậy bước đầu, ít nhiều vẫn tạo ra những tác động tiêu cực tới phương thức sinh kế truyền thống của người dân.

Rủi ro về “mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ”, xảy ra phần lớn tại huyện Sìn Hồ, số người bị ảnh hưởng được thống kê là 2.451 người (chiếm 4,72% dân số KV ưu tiên của huyện), trên địa bàn các xã Pa Khóa, Tủa Sín Chải, Phăng Sô Lin, Nậm Tăm,.. Vấn đề này liên quan tới việc triển khai chính sách khoán bảo vệ rừng từ nguồn vốn 30a. Nguồn vốn Trung ương phân bổ có hạn, trong khi diện tích rừng của tỉnh lớn nên việc khoán bảo vệ rừng được các địa phương thực hiện dựa trên các tiêu chí về chức năng phòng hộ, nguy cơ bị xâm hại vào rừng. Công tác này đã được triển khai đảm bảo đúng nguyên tắc, minh bạch, tuy nhiên việc ganh tị vẫn xảy ra giữa các cộng đồng được và không được hưởng chính sách.

d) Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy

Rủi ro môi trường: Chuyển dịch địa điểm phá rừng.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 11. Kết quả giám sát gói giải pháp 2-khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Diện tích rừng bị mất do tác động từ xu hướng dịch chuyển (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Dịch chuyển địa điểm phá rừng	0	
Sìn Hồ	Dịch chuyển địa điểm phá rừng	0	
KV ưu tiên	Dịch chuyển địa điểm phá rừng	0	Thấp

Theo Bảng 11, khu vực ưu tiên không có diện tích rừng bị phá do tác động từ xu hướng dịch chuyển địa điểm làm nương. Theo kết quả khảo, phần lớn người dân đã và đang chuyển dần sang canh tác nương rẫy cố định, một bộ phận nhỏ người đồng bào dân tộc thiểu số vẫn áp dụng canh tác nông nghiệp truyền thống du canh, du cư, tuy nhiên do sự quản lý, bảo vệ rừng chặt chẽ của lực lượng chức năng, nhóm người này chủ yếu luân canh trên diện tích nương rẫy cũ (sau một thời gian bỏ hóa).

Như vậy, việc thực hiện gói giải pháp 2 đã đạt được mục tiêu đề ra về mặt môi trường với sự ảnh hưởng được xác định ở mức độ thấp.

e) Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững

Rủi ro xã hội: Xung đột sử dụng tài nguyên; sự cô lập các nhóm đặc thù; mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm cáchuyện ưu tiên.

Bảng 12. Kết quả giám sát gói giải pháp 3-khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng, số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Tam Đường	Xung đột quản lý và sử dụng tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	6.115 người	35,99%	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	13.846 người	81,48%	
Sin Hồ	Xung đột quản lý và sử dụng tài nguyên	01 vụ	Không áp dụng	
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	1.464 người	5,59%	
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	13.757 người	52,54%	
KV ưu tiên	Xung đột quản lý và sử dụng tài nguyên	01 vụ	Không áp dụng	Thấp
	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	7.579 người	17,55%	Thấp
	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	27.603 người	63,93%	Cao

Theo Bảng 12, thực hiện gói giải pháp 3 tại khu vực ưu tiên có thể xảy ra những rủi ro về xã hội, trong đó rủi ro “Xung đột quản lý và sử dụng tài nguyên” và “sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù” được xác định ở mức độ ảnh hưởng thấp, tuy nhiên rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống” lại xảy ra ở mức độ ảnh hưởng cao. Như vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 3 đã không hoàn thành được mục tiêu năm 2018 về đảm bảo an toàn xã hội.

Đối với rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống”. Thực tế khảo sát cho thấy, người dân tộc sống gần rừng, có những truyền thống văn hóa đặc thù gắn bó lâu đời với rừng và các sản phẩm từ rừng như: Ở nhà sàn làm bằng gỗ; đun nấu, sưởi ấm bằng củi; quan tài cho người chết phải được làm từ gỗ tốt, không dùng gỗ tạp. Bên cạnh đó, đặc điểm sinh kế của người dân nơi đây vẫn còn mang nặng tính tự cung, tự cấp như đốt ong, thu hái lâm sản phụ (măng, dược liệu,...),... Đối với rủi ro “sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù”, diện tích các bãi chăn thả ngày càng bị

thu hẹp để dành quỹ đất cho phát triển rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng, làm nương rẫy và các mục đích khác. Tại nhiều địa phương, việc thả rông gia súc vào rừng tự nhiên dường như là một ưu tiên lựa chọn số 1. Tuy vậy, vấn đề này sẽ gây ảnh hưởng tới quá trình phục hồi, phát triển của rừng tự nhiên vì sự tác động của gia súc lên thảm thực bì, cây tái sinh, thậm chí là cây thành thực.

Bởi những lý do trên, việc bảo vệ nghiêm nhằm hạn chế các xâm hại vào rừng tự nhiên là cần thiết. Tuy vậy mặt trái của vấn đề này lại ảnh hưởng tiêu cực tới sinh kế và văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư bản địa.

f) Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng

Rủi ro xã hội: Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm cáchuyện ưu tiên.

Bảng 13. Kết quả giám sát gói giải pháp 4-khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Tân Uyên	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	5.324 người	14,95%	
Tam Đường	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	5 người	0,03%	
Sìn Hồ	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	800 người	55,67%	
KV ưu tiên	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	6.129 người	10,96%	Thấp

Theo Bảng 13, khu vực ưu tiên có xảy ra rủi ro “sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù” đối với một bộ phận người dân đang canh tác trồng thảo quả dưới tán rừng tự nhiên. (Chẳng hạn, việc bảo vệ nghiêm rừng tự nhiên đã có những tác động nhất định làm hạn chế việc trồng thảo quả người dân đặc biệt về nhu cầu mở rộng diện tích canh tác, khai thác gỗ, củi phục vụ sấy thảo quả tại rừng,...). Mức độ ảnh hưởng được xác định ở mức thấp với 6.129 người bị ảnh hưởng (chiếm 10,96% dân số KV ưu tiên), chủ yếu ở huyện Tân Uyên và Sìn Hồ.

Với kết quả như trên, có thể nói mục tiêu về mặt xã hội của gói giải pháp 4 đã được hoàn thành, tuy nhiên cũng cần lưu ý về tỷ lệ người bị ảnh hưởng ở huyện Sìn Hồ đang ở mức cao. Xét về góc độ kinh tế, việc trồng thảo quả dưới tán rừng tự nhiên mang lại thu nhập cao cho người dân, giúp người dân xóa đói, giảm nghèo, nhưng lại gây ảnh hưởng tiêu cực tới tài nguyên rừng (suy thoái, giảm chất lượng và khả năng phòng hộ của rừng).

g) Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng

Rủi ro môi trường: Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm cáchuyện ưu tiên.

Bảng 14. Kết quả giám sát gói giải pháp 4 -khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Diện tích rừng suy thoái do tác động từ xu hướng dịch chuyển (ha)	Mức độ ảnh hưởng
Tân Uyên	Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	0	
Tam Đường	Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	0	
Sìn Hồ	Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	0	
KV ưu tiên	Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	0	Thấp

Theo Bảng 14, khu vực ưu tiên không xảy ra vấn đề chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả (không có diện tích thảo quả mới), do đó gói giải pháp 4 đạt được mục tiêu về môi trường trong năm 2018.

Qua thực tế khảo sát cho thấy, không có diện tích thảo quả được trồng mới xuất phát từ một số lý do: đầu tiên phải nói đến chủ trương của UBND tỉnh là không khuyến khích người dân mở rộng mà cố gắng duy trì diện tích hiện có, bởi vì sự tác động tiêu cực của hoạt động này tới tài nguyên rừng (suy thoái rừng); bên cạnh đó, diện tích có đặc tính sinh thái phù hợp với trồng thảo quả là không còn nhiều, chủ yếu phân bố ở vùng sâu xa, địa hình hiểm trở và thường thuộc các khu vực đang được quản lý bảo vệ nghiêm ngặt, điều này một phần cũng hạn chế được khả năng mở rộng diện tích của người dân.

h) Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng

Rủi ro xã hội: Xung đột sử dụng tài nguyên; mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ; sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù.

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 15. Kết quả giám sát gói giải pháp 5 -khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng; số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ	3 người	0,01%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý tài nguyên	0 vụ	Không áp dụng	
	Sự cô lập các nhóm kinh tế đặc thù	4.128 người	12,5%	
Tân Uyên	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ	0 người	0%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý tài nguyên	3 vụ	Không áp dụng	
	Sự cô lập các nhóm kinh tế đặc thù	695 người	2,07%	
Sìn Hồ	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ	78 người	0,16%	
	Xung đột về sử dụng và quản lý tài nguyên	3 vụ	Không áp dụng	
	Sự cô lập các nhóm kinh tế đặc thù	3.736 người	7,62%	

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng; số vụ	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
KV ưu tiên	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ	81 người	0,07%	Thấp
	Xung đột về sử dụng và quản lý tài nguyên	6 vụ	Không áp dụng	Thấp
	Sự cô lập các nhóm kinh tế đặc thù	8.559 người	7,41%	Thấp

Theo Bảng 15, các rủi ro xảy ra đều xác định ở mức ảnh hưởng thấp. Do vậy, kết quả thực hiện gói giải pháp 5 đã đạt mục tiêu năm 2018 về mặt đảm bảo an toàn xã hội.

Đối với rủi ro “Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ”, một phần mâu thuẫn xảy ra khi thực hiện chương trình hỗ trợ người dân trồng cây Quế, Sơn tra và Mắc ca theo các Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 15/9/2016, Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 15/9/2016, Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/12/2017. (Thực hiện các quyết định này không nằm trong phạm vi của gói giải pháp 5, tuy vậy thu thập các thông tin về rủi ro xã hội khi triển khai trồng Quế, Sơn tra và Mắc Ca nhằm cung thêm thông tin đầu vào, kinh nghiệm cho việc giám sát các hoạt động PRAP trong năm 2019)

Rủi ro “cô lập nhóm sinh kế đặc thù” mà cụ thể là ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc của người dân (thu hẹp diện tích chăn thả do sử dụng quỹ đất cho trồng rừng), tập trung ở huyện Than Uyên, đặc biệt là người dân sống tại các xã Trung Đồng, Tà Mít, Nậm Cắn, Phúc Khoa, Mường Khoa, Hồ Mít có truyền thống chăn nuôi trâu, bò thả rông.

i) Gói giải pháp chung

Rủi ro xã hội: Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư; Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)

Thời gian giám sát: 01/01/2018-31/12/2018.

Nguồn dữ liệu: Kết quả khảo sát ngoại nghiệp của Hạt Kiểm lâm các huyện ưu tiên.

Bảng 16. Kết quả giám sát gói giải pháp chung - khung MTXH

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
Than Uyên	Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	0 người	0%	
	Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	4.500 người	12,09%	
Tân Uyên	Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	0 người	0%	

Huyện	Rủi ro	Số người bị ảnh hưởng	Tỷ lệ số người bị ảnh hưởng so với tổng dân số KV ưu tiên thực hiện gói GP	Mức độ ảnh hưởng
	Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	12.202 người	25,81%	
Tam Đường	Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	0 người	0%	
	Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	4.532 người	13,68%	
Sìn Hồ	Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	0 người	0%	
	Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	3.152 người	6,07%	
KV ưu tiên	Người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	0 người	0%	Thấp
	Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	24.386 người	14,38%	Thấp

Theo Bảng 16, các rủi ro đều xảy ra ở mức độ ảnh hưởng thấp, do vậy gói giải pháp chung đã hoàn thành mục tiêu đảm bảo an toàn xã hội năm 2018.

Thực tế khảo sát cho thấy, phần lớn người dân, thậm chí cán bộ cấp xã nơi triển khai PRAP thì REDD+ vẫn còn là một khái niệm mới, nên khi người dân chưa hiểu về REDD+ sẽ không trông chờ hay mong đợi bất cứ điều gì. Nguyên nhân là do công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về REDD+ chưa được thực hiện tốt vì thiếu kinh phí thực hiện. Tuy nhiên, một bộ phận người dân vẫn trông chờ nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...).

4.2.2. Tôn tại và nguyên nhân

a) Tôn tại

- Gói giải pháp 1 (*Hạn chế cháy rừng*): Tuy đã hoàn thành mục tiêu về mặt xã hội nhưng lại để lại rủi ro về môi trường (rừng trồng tích tụ vật liệu cháy) với mức ảnh hưởng trung bình, phần lớn diện tích tập trung tại huyện Tân Uyên.

- Gói giải pháp 3 (*Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNQ sai quy định, không bền vững*): Quá trình thực hiện gói giải pháp này để lại rủi ro “Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống” với mức ảnh hưởng cao, đặc biệt là tại huyện Tam Đường và Sìn Hồ.

b) Nguyên nhân

Các nguyên nhân dẫn đến tồn tại của các gói giải pháp 1 và gói giải pháp 3 đã được phân tích chi tiết tại mục 4.2.1. Tuy vậy có thể tóm lược lại như sau:

- Gói giải pháp 1 (*Hạn chế cháy rừng*): Ý thức chấp hành các thỏa thuận, cam kết của người trồng rừng chưa cao, chủ yếu nghĩ đến lợi ích trước mắt, ít quan tâm đến lợi ích lâu dài; trách nhiệm của chủ rừng và người nhận khoán bảo vệ rừng còn hạn chế; thiếu nguồn kinh phí cho việc thực hiện chăm sóc, bảo vệ rừng trồng sau khi hết giai đoạn đầu tư.

- Đối với gói giải pháp 3 (*Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững*): Phong tục tập quán đặc thù của người dân; điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, ít nhiều sống phụ thuộc vào rừng; nguồn lực tài chính hỗ trợ người dân phát triển sinh kế còn hạn chế.

Bên cạnh các nguyên nhân đặc thù cho từng gói giải pháp, dưới đây là một số nguyên nhân có sự ảnh hưởng chung.

- Để giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện REDD+, việc triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro (*tham khảo khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu*) một cách kịp thời sẽ đóng một vai trò quan trọng. Tuy nhiên ngoại trừ một số biện pháp có nội dung trùng với các hoạt động REDD+ là đã được thực hiện, hầu hết các biện pháp khác vẫn chưa được triển khai. Điều này dẫn đến nguy cơ xảy ra các rủi ro sẽ cao hơn và ở mức độ nghiêm trọng hơn. Bên cạnh đó, mặc dù đã được dự án SNRM hỗ trợ khi phí để thực hiện giám sát PRAP, tuy nhiên nguồn kinh phí cho việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro là chưa được xác định một cách cụ thể.

- Mặc dù đã nhận được sự phối hợp tích cực của chính quyền, cơ quan chức năng tại các huyện ưu tiên, trong việc thu thập thông tin phục vụ đánh giá rủi ro về MTXH trong thực hiện REDD+, tuy nhiên đây là nhiệm vụ tương đối mới và cần nhiều thời gian để tiếp cận và hiểu thấu đáo. Điều này một phần ảnh hưởng tới chất lượng thông tin thu thập được từ đó ảnh hưởng tới độ chính xác của việc đánh giá các rủi ro.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Một gói giải pháp được gọi là thực hiện thành công khi đáp ứng được các yêu cầu: Đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra, đồng thời đảm bảo được an toàn MTXH theo 7 tiêu chí Cancun thông qua việc không để xảy ra các rủi ro, hoặc để xảy ra rủi ro ở mức độ ảnh hưởng thấp.

Bảng 17. Kết quả giám sát các gói giải pháp PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018

Stt	Gói giải pháp	Chỉ số đầu ra		Rủi ro về MTXH		Đánh giá chung	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Hạn chế cháy rừng		x		x		x
2	Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy	x		x		x	
3	Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững		x		x		x
4	Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng	x		x		x	
5	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng	x		x		x	
6	Gói giải pháp chung	x		x		x	
6.1	<i>Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến nguồn tài nguyên rừng</i>	x		x		x	
6.2	<i>Nâng cao nhận thức về và đào tạo năng lực thực hiện REDD+</i>	x		x		x	

Theo Bảng 17, kết quả thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu trong năm 2018 có thể được kết luận như sau:

- Các gói giải pháp 2, 4, 5 và gói giải pháp chung: Hoàn thành mục tiêu trong năm 2018. Kết quả thực hiện đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra đồng thời không tạo nên các rủi ro về MTXH hoặc tạo nên những rủi ro về MTXH với mức độ ảnh hưởng thấp. Tuy vậy, cần phải lưu ý về gói giải pháp chung 2, cụ thể: kết quả đạt được (số lượt người tham gia các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức REDD+ và BĐKH) là 43.752 lượt người, cao hơn quá nhiều so với dữ liệu nền (70 lượt người) và chỉ số đầu ra (400 lượt người). Điều này có thể xuất phát từ nguyên nhân việc xác định dữ liệu nền và chỉ số đầu ra chưa chính xác, hoặc liên quan tới chất lượng của dữ liệu thông tin đã thu thập.

- Các gói giải pháp 1 và 3: Thực hiện chưa đạt mục tiêu trong năm 2018 tại khu vực ưu tiên. Kết quả thực hiện không đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra, đồng thời đã tạo nên những rủi ro MTXH ở mức ảnh hưởng trung bình và cao.

5.2. Khuyến nghị

Dựa trên các kết quả thu nhận được từ công tác giám sát thực hiện PRAP năm 2018, dưới đây là một số khuyến nghị nhằm giúp phát huy các thành tích đạt được và hạn chế các tồn tại trong việc thực hiện PRAP các năm tiếp theo:

- Gói giải pháp chung 2: Để đảm bảo kết quả giám sát đạt độ chính xác cao, cần phải rà soát lại, điều chỉnh (nếu cần thiết) dữ liệu nền, chỉ số đầu ra. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng của quá trình thu thập thông tin, cần tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ liên quan về thu thập thông tin phục vụ giám sát PRAP, đặc biệt chú trọng gói

giải pháp chung 2.

- Gói giải pháp 1: Để không xảy ra cháy rừng hay hạn chế thấp nhất số vụ cháy cũng như thiệt hại do cháy rừng gây ra, trong thời gian tới, cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 27/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2018-2019. Ngoài ra cần thực hiện tốt các giải pháp về đầu tư phương tiện, công trình PCCCR, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền cho người dân về luật BVPTTR và phòng cháy chữa cháy rừng, đặc biệt lưu ý tới việc sử dụng lửa trong rừng, canh tác nương rẫy, và đốt bãi chăn thả. Bên cạnh đó nhằm giảm thiểu các tác động từ rủi ro về môi trường, cần đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho chủ rừng, người trồng rừng, người nhận khoán bảo vệ rừng trong việc tuân thủ các thỏa thuận, cam kết về công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng.

- Gói giải pháp 3: Nhằm hạn chế các vụ khai thác rừng trái phép, về mặt chủ trương chung, trong thời tới cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Lâm nghiệp, Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư, thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2021. Bên cạnh đó, cần tiếp tục ngăn chặn việc khai thác gỗ, củi cho mục đích thương mại; nâng cao kỹ thuật khai thác lâm sản cho người dân. Để giảm thiểu rủi ro xã hội (27.603 người mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống), cần tập trung khuyến khích người dân sử dụng vật liệu thay thế cho mục đích làm nhà, chất đốt. Đặc biệt, cần lưu ý nhân rộng một số mô hình thực hiện thí điểm REDD+ hiệu quả tại xã Phúc Khoa như hoạt động hỗ trợ bết tiết kiệm củi, mô hình trồng dưa hấu, qua đó góp phần làm giảm áp lực lên tài nguyên rừng.

- Gói giải pháp 6 (gói giải pháp chung): Mặc dù đã hoàn thành mục tiêu năm 2018, tuy nhiên phần lớn người dân, thậm chí cán bộ cấp xã nơi triển khai PRAP thì REDD+ và BDKH vẫn còn là một khái niệm mới, do vậy công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về REDD+ và BDKH cần được quan tâm thực hiện. Mặt khác, kết quả đạt được của gói giải pháp này đang vượt quá xa so với mục tiêu đặt ra, do đó cần phải kiểm tra lại chỉ số đầu ra đã được xác định phù hợp hay chưa, đồng thời cần đảm bảo người thu thập thông tin hiểu đúng nội dung và đối tượng cần thu thập.

Trên đây là một số khuyến nghị để giải quyết các tồn tại cho từng gói giải pháp cụ thể. Các khuyến nghị khác có sự tác động chung được đề xuất như sau:

- Để đảm bảo việc đạt được mục tiêu theo chỉ số đầu ra cho các năm tiếp theo, tỉnh cần tích cực huy động nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động theo kế hoạch (hợp phần II - PRAP). Đối với nguồn ngân sách địa phương, cần lưu ý đảm bảo nguồn lực cho gói giải pháp 2 (ngăn chặn tình trạng phá rừng làm nương rẫy), với tổng số vốn yêu cầu là 92.250 triệu đồng (chiếm 94% tổng ngân sách địa phương). Đối với các nguồn hỗ trợ từ quốc tế, một mặt tỉnh nên tiếp tục theo dõi tình hình của dự án JICA 3, mặt khác cần tích cực kêu gọi sự đầu tư từ các tổ chức, dự án khác có liên quan.

- Nhằm hạn chế các tác động tiêu cực về mặt MTXH, cần thiết phải thực hiện được các biện pháp giảm thiểu rủi ro song song với việc triển khai các hoạt động REDD+ (*chỉ tiết các biện pháp giảm thiểu rủi ro, tham khảo khung MTXH - PRAP tỉnh Lai Châu*)

- Để tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương và tính minh bạch trong thực hiện REDD+, việc xây dựng và áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại và phản hồi (FGRM) luôn được khuyến khích, đặc biệt là trong lĩnh vực đảm bảo an toàn MTXH. Do vậy, để

hướng tới một kết quả bền vững hơn, tỉnh nên nghiên cứu và vận dụng cơ chế này ở một phạm vi và mức độ phù hợp trong quá trình thực hiện PRAP.

- Trong quá trình triển khai và dần hoàn thiện các công việc liên quan tới giám sát các tác động rủi ro về môi trường xã hội, cơ chế FGRM (một cơ chế nhằm tiếp nhận và giải quyết các phản hồi, kiến nghị của người dân nảy sinh trong quá trình thực hiện REDD+) nên được xem xét áp dụng vào thực tế, xây dựng trên các thể chế và khung pháp lý hiện hành. Điều này sẽ phát huy được vai trò của cộng đồng địa phương, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và quyền của người dân bản địa khi thực hiện REDD+. Tuy nhiên, các hướng dẫn, quy định cấp quốc gia về áp dụng FGRM trong REDD+ nên được vận dụng khi thực hiện cơ chế này ở tại địa phương.

- Đối với việc tổ chức giám sát PRAP năm 2019 và các năm tiếp theo, để đạt hiệu quả hơn trong công tác thu thập thông tin, đặc biệt là các thông tin về MTXH, cần thiết phải mở các lớp tập huấn cho cán bộ của các phòng ban cấp huyện và hạt kiểm lâm tại khu vực ưu tiên.

- Cuối cùng, sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của dự án QLTNTNBV cho việc thực hiện giám sát PRAP là rất quan trọng, hoạt động này cần tiếp tục được duy trì cho các năm tiếp theo.

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Danh sách các xã ưu tiên thực hiện PRAP tỉnh Lai Châu

TT	Địa điểm	Gói giải pháp					
		Hạn chế cháy rừng	Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương	Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững	Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng	Gói giải pháp chung
I	Than Uyên						
1	Khoe On	x	x			x	x
2	Mường Cang	x	x			x	x
3	Mường Kim	x	x			x	x
4	Mường Mít	x	x			x	x
5	Pha Mu	x	x			x	x
6	Ta Gia	x	x			x	x
7	Tà Hừa	x	x			x	x
8	Tà Mung	x	x				x
II	Tân Uyên						
1	Hố Mít	x			x	x	x
2	Mường Khoa	x			x	x	x
3	Nậm Cắn	x				x	x
4	Nậm Sô	x				x	x
5	Tà Mít	x				x	x
6	Phúc Khoa	x			x	x	x
7	TTr Tân Uyên	x			x		x
8	Trung Đồng	x			x	x	x
III	Tam Đường						
1	Thèn Sin						x
2	Sùng Phài			x			x
3	Tà Lèng			x	x		x
4	Giang Ma						x
5	Bình Lư			x			x
6	Sơn Bình				x		x
7	Bản Bo				x		x
8	Khun Há			x	x		x
IV	Sìn Hồ						
1	Hồng Thu	x	x			x	x
2	Nậm Cuối	x	x	x		x	x
3	Nậm Hăn		x	x		x	x
4	Nậm Tâm	x	x			x	x
5	Pa Khóa		x	x		x	x
6	Phăng Sô Lin	x	x			x	x
7	Pu Sam Cáp		x		x	x	x
8	Chăn Nưa	x	x	x			x
9	Làng Mô		x	x		x	x
10	Pa Tần	x	x			x	x
11	Xà Dề Phìn		x	x		x	x
12	Tà Ngáo	x	x			x	x
13	Tủa Sín Chải		x	x		x	x
14	Căn Co	x	x			x	X
Tổng: 38 xã		24 xã	22 xã	11 xã	10 xã	27 xã	38 xã

**Phụ lục 02. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018
(Khung kết quả)**

Stt	Gói giải pháp	Dữ liệu nền	Chỉ số đầu ra	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
1	Hạn chế cháy rừng	(1). Số vụ cháy rừng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2016 là 7 vụ. (2). Diện tích rừng bị cháy bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2016 là 18,60 ha.	Số vụ cháy rừng/diện tích rừng bị cháy bình quân/năm giảm từ 20% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.	- Số vụ cháy rừng - Diện tích cháy	Hệ thống TDTNR, hồ sơ các vụ cháy rừng của Chi cục Kiểm lâm	1/1/2018 – 31/12/2018
2	Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy	(1). Số vụ phá rừng bình quân giai đoạn 2011 - 2016 là 6/năm. (2). Diện tích nương rẫy 31.625 ha	(1). Số vụ phá rừng bình quân/năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020 (2). Diện tích nương rẫy giảm 5%/năm trong giai đoạn 2017-2020	- Số vụ phá rừng - Diện tích nương rẫy	Hệ thống TDTNR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm	1/1/2018 – 31/12/2018
3	Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững	Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra bình quân/năm giai đoạn 2010 - 2016 là 8 vụ.	Số vụ khai thác rừng trái pháp luật xảy ra bình quân/năm giảm từ 30% trở lên trong giai đoạn 2017-2020.	Số vụ khai thác rừng trái phép	Hệ thống TDDBTNR, hồ sơ xác minh các vụ vi phạm của Chi cục Kiểm lâm	1/1/2018 – 31/12/2018
4	Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng	(1). 3.014 ha trồng thảo quả năm 2016. (2). 0 hộ trồng thảo quả sử dụng phương pháp tiết kiệm nguyên liệu vào năm 2016.	(1). Đảm bảo không có diện tích thảo quả được trồng mới trong khu vực ưu tiên trong giai đoạn 2017-2020. (2). 50% số hộ trồng thảo quả sử dụng phương pháp tiết kiệm nguyên liệu vào năm 2020.	- Diện tích trồng thảo quả mới - Số hộ sử dụng phương pháp tiết kiệm củi	Báo cáo thực hiện phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và kết quả thu thập thông tin của Kiểm lâm địa bàn thuộc các huyện ưu tiên năm 2018.	1/1/2018 – 31/12/2018
5	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng	Tỷ lệ rừng trồng thành rừng trong giai đoạn 2011-2016 là 70% - 75%	Tỷ lệ rừng trồng thành rừng trong giai đoạn 2017 - 2020 là 80%	- Diện tích rừng trồng năm 2018 - Tình hình sinh trưởng	Báo cáo đánh giá hết giai đoạn đầu tư của Ban quản lý rừng phòng hộ	1/1/2018 – 31/12/2018
6	Gói giải pháp chung	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.1	Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	4 Hạt Kiểm lâm và 4 Ban quản lý Rừng đang áp dụng phương pháp TDDBTNR cải tiến vào thời điểm năm 2016.	Đến năm 2020, hệ thống TDDBTNR mới được áp dụng thành thạo và hiệu quả ở toàn bộ các huyện ưu tiên.	Số huyện áp dụng hệ thống TDDBTNR cải tiến	Báo cáo công tác TDDBTNR hàng năm của Chi cục Kiểm lâm	1/1/2018 – 31/12/2018

Stt	Gói giải pháp	Dữ liệu nền	Chỉ số đầu ra	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
6.2	Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện REDD+	70 số lượt cán bộ liên quan đã tham gia các cuộc hội thảo cấp tỉnh về xây dựng PRAP được tổ chức trong năm 2016 và 2017.	(1). Tới năm 2020, 400 lượt người từ cấp tỉnh và các chuyên gia ưu tiên được tham gia các khóa đào tạo và hội thảo nâng cao nhận thức về BĐKH và REDD+ (2). 38 các xã được tuyên truyền nâng cao nhận thức trong giai đoạn 2017-2020.	- Số lượt người tham gia các khóa đào tạo, nâng cao nhận thức REDD+ và BĐKH. - Số xã được tuyên truyền.	Kết quả phỏng vấn của các Hạt Kiểm lâm huyện ưu tiên, báo cáo năm dự án SNRM	1/1/2018 – 31/12/2018

**Phụ lục 03. Khung giám sát đánh giá PRAP tỉnh Lai Châu năm 2018
(Khung môi trường xã hội)**

Stt	Gói giải pháp	Rủi ro	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
1	Hạn chế cháy rừng	(1). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống (2). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên (3). Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	(1). Số người bị ảnh hưởng (2). Số vụ (3). Diện tích có nguy cơ cháy do tích lũy vật liệu cháy	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn, - Hệ thống TDTNR	1/1/2018 – 31/12/2018
2	Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy	(1). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên (2). Dịch chuyển địa điểm phá rừng (chuyển sang phá rừng chỗ khác). (3). Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu) (4). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	(1). Số vụ (2,3,4). Số người bị ảnh hưởng	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn,	1/1/2018 – 31/12/2018
3	Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững	(1). Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên (2). Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù (3). Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	(1). Số vụ (2, 3). Số người bị ảnh hưởng	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn,	1/1/2018 – 31/12/2018
4	Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng	(1). Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù (2). Dịch chuyển địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	(1). Số người bị ảnh hưởng (2). Diện tích rừng bị suy thoái	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn,	1/1/2018 – 31/12/2018
5	Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng	(1). Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân ngoài xã ưu tiên với dân trong xã ưu tiên. (2). Xung đột về quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên	(1,2,3). Số người bị ảnh hưởng.	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn,	1/1/2018 – 31/12/2018

Stt	Gói giải pháp	Rủi ro	Dữ liệu đầu vào cần thu thập	Nguồn thu thập	Thời gian thực hiện
		(3). Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù			
6	Gói giải pháp chung	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.1	Cải tiến hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên Rừng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
6.2	Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện REDD+	(1). Người dân có thể hiểu nhầm về REDD+ và trông đợi quá nhiều vào lợi ích REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư. (2). Người dân trông chờ quá nhiều vào kết quả thực hiện PRAP thông qua các hoạt động hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	(1,2) Số người bị ảnh hưởng	- Kết quả khảo sát của các huyện ưu tiên, - Phản hồi từ cán bộ địa phương, Kiểm lâm địa bàn,	1/1/2018 – 31/12/2018

Phụ lục 04. Phân loại rủi ro môi trường theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun

Stt	Rủi ro môi trường	Nguyên tắc đảm bảo an toàn Can Cun
1	Chuyển dịch địa điểm phá rừng	Cancun safeguard (g) – dịch chuyển phát thải
2	Tạo vật liệu cháy, tiềm ẩn nguy cơ cháy rừng	Cancun safeguard (e) – bảo tồn rừng tự nhiên và đa dạng sinh học

Phụ lục 05. Phân loại rủi ro xã hội theo nguyên tắc đảm bảo an toàn CanCun

Stt	Rủi ro xã hội	Nguyên tắc đảm bảo an toàn Can Cun
1	Xung đột về sử dụng nguồn tài nguyên	Safeguard (b) – minh bạch và quản trị rừng quốc gia hiệu quả Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
2	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	Safeguard (c) – quyền của cộng đồng và người bản địa Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
3	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ.	Safeguard (b) – quản trị rừng quốc gia hiệu quả và minh bạch Safeguard (d) – sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan
4	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Safeguard (c) – quyền của cộng đồng và người bản địa

Phụ lục 06. Tiêu chí phân ngưỡng các rủi ro

Stt	Phân ngưỡng	Tiêu chí	Lưu ý
1	Thấp	Diện tích (ha) rừng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy (0 - <500)	Áp dụng với rủi ro: Diện tích rừng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy (Gói giải pháp 1).
		Diện tích (ha) các khu vực rừng bị ảnh hưởng do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc ngăn chặn phá rừng làm nương rẫy (0 - <5)	Áp dụng với rủi ro: Chuyển dịch địa điểm phá rừng (gói giải pháp 2).
		Diện tích (ha) bị suy thoái do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc trồng thảo quả (0 - <5)	Áp dụng với rủi ro: Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả(gói giải pháp 4).
		Số vụ xảy ra (0 - 10)	Áp dụng với các rủi ro: Xung đột về quản lý, sử dụng tài nguyên (gói giải pháp 1, 2, 3, 5).
		Số người bị ảnh hưởng (0 - <25%)	Áp dụng với các rủi ro còn lại: Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ; sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù;... (gói giải pháp 1, 2, 3, 4, 5 và gói giải pháp chung).
2	Trung bình	Diện tích (ha) rừng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy(500 - <1.000)	nt
		Diện tích (ha) các khu vực rừng bị ảnh hưởng do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc ngăn chặn phá rừng làm nương rẫy (5 - <10)	nt
		Diện tích (ha) bị suy thoái do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc trồng thảo quả (5 - <10)	nt
		Số vụ xảy ra (10 - <20)	nt
		Số người bị ảnh hưởng (25 - <50%)	nt
3	Cao	Diện tích (ha) rừng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy (≥ 1.000)	nt
		Diện tích (ha) các khu vực rừng bị ảnh hưởng do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc ngăn chặn phá rừng làm nương rẫy (≥ 10)	nt
		Diện tích (ha) bị suy thoái do tác động từ xu hướng dịch chuyển liên quan tới việc trồng thảo quả (≥ 10)	nt
		Số vụ xảy ra (≥ 20)	nt
		Số người bị ảnh hưởng (50-100%)	nt

Phụ lục 07. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH các huyện ưu tiên năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Rủi ro	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo từng huyện)										
					Cộng		Than Uyên		Tân Uyên		Tam Đường		Sin Hồ		
1	Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng														
	Có hay không? sinh kế của người dân bị ảnh hưởng do hạn chế sử dụng lửa trong rừng nhằm mục đích phòng chống cháy rừng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Có/ không	Người	Có	531	Có	8	Không	0				Có	523
	Số vụ vi phạm quy định sử dụng lửa trong rừng được phát hiện và xử lý; số người vi phạm	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	Vụ	Người	0	0	0	0	0	0				0	0
	Có hay không? xảy ra hiện tượng thiếu đất sản xuất do cấm sử dụng lửa trong việc đốt thực bì làm nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Có/ không	Người	Có	7253	Không	0	Có	100				Có	7153
	Có hay không? diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy trong thời gian dài; ước tính diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao	Diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích tụ vật liệu cháy	Có/ không	Ha	Có	578	Có	152	Có	421				Có	5
2	Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy														
	Số vụ xung đột giữa lực lượng chức năng và người dân về quản lý và sử dụng tài nguyên đất do kiểm soát chặt chẽ hoạt động canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Xung đột về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên	Vụ	Người	2	4	2	4						0	0
	Có hay không? xảy ra việc mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về bảo vệ rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người không được hỗ trợ (ngoài xã ưu tiên) và người được hỗ trợ (xã mục tiêu)	Có/ không	Người	Có	2459	Có	8						Có	2451
	Có hay không? xảy ra vấn đề người dân địa phương bị ảnh hưởng tới tập quán canh tác khi kiểm soát nghiêm việc lấn chiếm đất rừng để canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Có/ không	Người	Có	6857	Có	599						Có	6258
	Có hay không? diện tích rừng bị phá để canh tác nông nghiệp do tác động từ xu hướng dịch chuyển, ước tính diện tích	Dịch chuyển địa điểm phá rừng	Có/ không	Ha	Không	0	Không	0						Không	0
3	Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững														
	Số vụ mâu thuẫn giữa lực lượng chức năng và người vi phạm về công tác quản lý bảo vệ rừng; số người vi phạm	Xung đột quản lý và sử dụng tài nguyên	Vụ	Người	1	3							0	0	1 3

TT	Nội dung cần thu thập	Rủi ro	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo từng huyện)										
					Cộng		Than Uyên		Tân Uyên		Tam Đường		Sin Hồ		
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới sinh kế những do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	Có/ không	Người	Có	7579						Có	6115	Có	1464
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Mất kiến thức bản địa, văn hóa và phương thức sinh kế truyền thống	Có/ không	Người	Có	27603						Có	13846	Có	13757
4	Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng														
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới thu nhập do hạn chế phát triển diện tích trồng thảo quả mới; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Sự cô lập các nhóm sinh kế đặc thù	Có/ không	Người	Có	6129			Có	5324	Có	5	Có	800	
	Có hay không? diện tích rừng bị suy thoái gây ra tại khu vực mới được mở rộng để trồng thảo quả; ước tính diện tích	Chuyển dịch địa điểm suy thoái rừng do trồng thảo quả	Có/ không	Ha	Không	0			Không	0	Không	0	Không	0	
5	Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng														
	Có hay không? người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về công tác phát triển rừng trồng xảy ra mâu thuẫn (ganh tị); ước tính số người bị ảnh hưởng	Mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ	Có/ không	Người	Có	81	Có	3	Không	0			Có	78	
	Số vụ tranh chấp quyền sử dụng đất (giữa các xã, bản, hộ) cho mục đích trồng rừng với các hoạt động sinh kế khác của người dân; ước tính diện tích tranh chấp	Xung đột về sử dụng và quản lý tài nguyên	Vụ	Ha	6	14,9	0	0	3	4,3			3	10,6	
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc khi lực lượng chức năng kiểm soát nghiêm hoạt động này để nhằm bảo vệ, phát triển rừng trồng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Sự cô lập các nhóm kinh tế đặc thù	Có/ không	Người	Có	8559	Có	4128	Có	695			Có	3736	
6	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung														
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư		Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)		Có/ không	Người	Có	24386	Có	4500	Có	12202	Có	4532	Có	3152	

Phụ lục 08. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Than Uyên năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Khoen On		Mường Mít		Pha Mu		Tà Hừa		Mường Cang		Mường Kim		Tà Mung		Ta Gia	
1	Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng																		
	Có hay không? sinh kế của người dân bị ảnh hưởng do hạn chế sử dụng lửa trong rừng nhằm mục đích phòng chống cháy rừng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Có	8	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Số vụ vi phạm quy định sử dụng lửa trong rừng được phát hiện và xử lý; số người vi phạm	Vụ	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? xảy ra hiện tượng thiếu đất sản xuất do cấm sử dụng lửa trong việc đốt thực bì làm nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy trong thời gian dài; ước tính diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao	Có/ không	Ha	Không	0	Có	2	Không	0	Có	100	Có	50	Không	0	Không	0	Không	0
2	Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy																		
	Số vụ xung đột giữa lực lượng chức năng và người dân về quản lý và sử dụng tài nguyên đất do kiểm soát chặt chẽ hoạt động canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Vụ	Người	0	0	0	0	2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? xảy ra việc mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về bảo vệ rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Có	8	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? xảy ra vấn đề người dân địa phương bị ảnh hưởng tới tập quán canh tác khi kiểm soát nghiêm việc lấn chiếm đất rừng để canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Có	35	Có	32	Không	0	Không	0	Có	500	Không	0	Không	0	Có	32
	Có hay không? diện tích rừng bị phá để canh tác nông nghiệp do tác động từ xu hướng dịch chuyển, ước tính diện tích	Có/ không	Ha	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
3	Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng																		
	Có hay không? người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về công tác phát triển trồng rừng xảy ra mâu thuẫn (ganh tị); ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Có	3	Không	0	Không	0			Không	0

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Khoen On		Mường Mít		Pha Mu		Tà Hừa		Mường Cang		Mường Kim		Tà Mung		Ta Gia	
	Số vụ tranh chấp quyền sử dụng đất (giữ các xã, bản, hộ) cho mục đích trồng rừng với các hoạt động sinh kế khác của người dân; ước tính diện tích tranh chấp	Vụ	Ha	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc khi lực lượng chức năng kiểm soát nghiêm hoạt động này để nhằm bảo vệ, phát triển rừng trồng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Có	660	Có	572	Có	366	Có	450	Có	700	Có	1000			Có	380
4	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung																		
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	Có/ không	Người	Có	4500	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0

Phụ lục 09. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Tân Uyên năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Thị trấn		Mường Khoa		Phúc Khoa		Trung Đòng		Hố Mít		Nậm Sô		Nậm Càn		Tà Mít	
1	Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng																		
	Có hay không? sinh kế của người dân bị ảnh hưởng do hạn chế sử dụng lửa trong rừng nhằm mục đích phòng chống cháy rừng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Số vụ vi phạm quy định sử dụng lửa trong rừng được phát hiện và xử lý; số người vi phạm	Vụ	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? xảy ra hiện tượng thiếu đất sản xuất do cấm sử dụng lửa trong việc đốt thực bì làm nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Có	100	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy trong thời gian dài; ước tính diện tích rừng	Có/ không	Ha	Không	0	Có	30	Có	11	Có	12	Có	30	Có	280	Có	3	Có	55

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Thị trấn		Mường Khoa		Phúc Khoa		Trung Đồng		Hố Mít		Nậm Sỏ		Nậm Cắn		Tà Mít	
	trồng có nguy cơ cháy cao																		
2	Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng																		
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới thu nhập do hạn chế phát triển diện tích trồng thảo quả mới; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Có	1237	Có	715	Có	1260	Có	2112	Không	0						
	Có hay không? diện tích rừng bị suy thoái gây ra tại khu vực mới được mở rộng để trồng thảo quả; ước tính diện tích	Có/ không	Ha	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0						
3	Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng																		
	Có hay không? người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về công tác phát triển trồng rừng xảy ra mâu thuẫn (ganh tị); ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Số vụ tranh chấp quyền sử dụng đất (giữ các xã, bản, hộ) cho mục đích trồng rừng với các hoạt động sinh kế khác của người dân; ước tính diện tích tranh chấp	Vụ	Ha			0	0	0	0	0	0	1	0,3	0	0	2	4	0	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc khi lực lượng chức năng kiểm soát nghiêm hoạt động này để nhằm bảo vệ, phát triển rừng trồng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Có	30	Có	50	Có	375	Có	100	Không	0	Có	15	Có	125
4	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung																		
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Thị trấn		Mường Khoa		Phúc Khoa		Trung Đồng		Hố Mít		Nậm Sỏ		Nậm Cắn		Tà Mít	
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Có	3316	Có	5386	Có	2000	Có	1500

Phụ lục 10. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Tam Đường năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Thèn Sin		Bình Lư		Bản Bo		Tả Lèng		Sùng Phài		Khun Há		Sơn Bình		Giang Ma	
1	Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững																		
	Số vụ mâu thuẫn giữa lực lượng chức năng và người vi phạm về công tác quản lý bảo vệ rừng; số người vi phạm	Vụ	Người		0	0			0	0	0	0	0	0					
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới sinh kế những do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Có	2000			Có	2095	Có	520	Có	1500				
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Có	5000			Có	4326	Có	520	Có	4000				
2	Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng																		
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới thu nhập do hạn chế phát triển diện tích trồng thảo quả mới; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có/ không	Người					Không	0	Không	0			Có	5	Không	0		
	Có hay không? diện tích rừng bị suy thoái gây ra tại khu vực mới được mở rộng để trồng thảo quả; ước tính diện tích	Có/ không	Ha					Không	0	Không	0			Không	0	Không	0		
3	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung																		
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)															
				Thèn Sin		Bình Lư		Bản Bo		Tả Lèng		Sùng Phài		Khun Há		Sơn Bình		Giang Ma	
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	Có/ không	Người	Có	615	Có	120	Không	0	Có	1277	Có	520	Có	2000	Không	0	Không	0

Phụ lục 11. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Sơn Hồ năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)																
				Chăn Nưa		Căn Co		Nậm Cuối		Pa Khóa		Pu Sam Cáp		Tủa Sín Chải		Pa Tàn				
1	Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng																			
	Có hay không? sinh kế của người dân bị ảnh hưởng do hạn chế sử dụng lửa trong rừng nhằm mục đích phòng chống cháy rừng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0										Có	277
	Số vụ vi phạm quy định sử dụng lửa trong rừng được phát hiện và xử lý; số người vi phạm	Vụ	Người	0	0	0	0	0	0										0	0
	Có hay không? xảy ra hiện tượng thiếu đất sản xuất do cấm sử dụng lửa trong việc đốt thực bì làm nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Có	2000	Không	0										Có	277
	Có hay không? diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy trong thời gian dài; ước tính diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao	Có/ không	Ha	Không	0	Không	0	Không	0										Không	0
2	Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy																			
	Số vụ xung đột giữa lực lượng chức năng và người dân về quản lý và sử dụng tài nguyên đất do kiểm soát chặt chẽ hoạt động canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Vụ	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? xảy ra việc mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về bảo vệ rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Có	596	Không	0	Có	170	Không	0			
	Có hay không? xảy ra vấn đề người dân địa phương bị ảnh hưởng tới tập quán canh tác khi kiểm soát nghiêm việc lấn chiếm đất rừng để canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0	Có	200	Có	200	Không	0	Có	60	Có	150	Có	277			
	Có hay không? diện tích rừng bị phá để canh tác nông nghiệp do tác động từ xu hướng dịch chuyển, ước tính diện tích	Có/ không	Ha	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	0

TT	Nội dung cần thu thập	Đơn vị		Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)													
				Chăn Nưa		Căn Co		Nậm Cuối		Pa Khóa		Pu Sam Cáp		Tủa Sín Chải		Pa Tàn	
3	Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững																
	Số vụ mâu thuẫn giữa lực lượng chức năng và người vi phạm về công tác quản lý bảo vệ rừng; số người vi phạm	Vụ	Người	0	0			0	0	0	0			1	3		
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới sinh kế những do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Không	0			Có	96	Không	0			Không	0		
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người	Có	105			Có	4500	Có	1460			Có	1000		
4	Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng																
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới thu nhập do hạn chế phát triển diện tích trồng thảo quả mới; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có/ không	Người									Có	800				
	Có hay không? diện tích rừng bị suy thoái gây ra tại khu vực mới được mở rộng để trồng thảo quả; ước tính diện tích	Có/ không	Ha									Không	0				
5	Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng																
	Có hay không? người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về công tác phát triển rừng trồng xây ra mâu thuẫn (ganh tị); ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Không	0	Không	0	Không	0	Có	34	Có	44	Không	0
	Số vụ tranh chấp quyền sử dụng đất (giữ các xã, bản, hộ) cho mục đích trồng rừng với các hoạt động sinh kế khác của người dân; ước tính diện tích tranh chấp	Vụ	Ha			0	0	0	0	0	0	3	10,6	0	0	0	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc khi lực lượng chức năng kiểm soát nghiêm hoạt động này để nhằm bảo vệ, phát triển rừng trồng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có/ không	Người			Có	60	Có	1850	Có	360	Không	0	Không	0	Không	0
6	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung																
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	Có/ không	Người	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0

Phụ lục 12. Tổng hợp kết quả thu thập số liệu khung MTXH huyện Sơn Hòa năm 2018

TT	Nội dung cần thu thập	Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)													
		Hồng Thu		Phăng Sô Lin		Nậm Tăm		Tả Ngáo		Sà Dề Phìn		Nậm Hăn		Làng Mỏ	
1	Gói giải pháp 1: Hạn chế cháy rừng														
	Có hay không? sinh kế của người dân bị ảnh hưởng do hạn chế sử dụng lửa trong rừng nhằm mục đích phòng chống cháy rừng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Không	0	Không	0	Có	20	Có	226						
	Số vụ vi phạm quy định sử dụng lửa trong rừng được phát hiện và xử lý; số người vi phạm	0	0	0	0	0	0	0	0						
	Có hay không? xảy ra hiện tượng thiếu đất sản xuất do cấm sử dụng lửa trong việc đốt thực bì làm nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có	4100	Có	550	Không	0	Có	226						
	Có hay không? diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao do tích lũy vật liệu cháy trong thời gian dài; ước tính diện tích rừng trồng có nguy cơ cháy cao	Có	5	Không	0	Không	0	Không	0						
2	Gói giải pháp 2: Ngăn chặn hành vi phá rừng làm nương rẫy														
	Số vụ xung đột giữa lực lượng chức năng và người dân về quản lý và sử dụng tài nguyên đất do kiểm soát chặt chẽ hoạt động canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? xảy ra việc mâu thuẫn (ganh tị) giữa người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về bảo vệ rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Không	0	Có	360	Có	1325	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? xảy ra vấn đề người dân địa phương bị ảnh hưởng tới tập quán canh tác khi kiểm soát nghiêm việc lấn chiếm đất rừng để canh tác nương rẫy; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có	4100	Không	0	Có	45	Có	226	Có	1000	Không	0	Không	0
	Có hay không? diện tích rừng bị phá để canh tác nông nghiệp do tác động từ xu hướng dịch chuyển, ước tính diện tích	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
3	Gói giải pháp 3: Ngăn chặn khai thác gỗ và LSNG sai quy định, không bền vững														
	Số vụ mâu thuẫn giữa lực lượng chức năng và người vi phạm về công tác quản lý bảo vệ rừng; số người vi phạm	0	0							0	0	0	0	0	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới sinh kế những do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người dân bị ảnh hưởng	Có	368							Có	1000	Không	0	Không	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống do kiểm soát chặt chẽ khai thác rừng tự nhiên; ước tính số người bị ảnh hưởng	Có	4584							Có	2000	Có	47	Có	61

TT	Nội dung cần thu thập	Kết quả thu thập số liệu (phân theo xã)													
		Hồng Thu		Phăng Sô Lin		Nậm Tăm		Tả Ngáo		Sà Dề Phìn		Nậm Hăn		Làng Mồ	
4	Gói giải pháp 4: Hạn chế tác động tiêu cực của việc trồng thảo quả tới tài nguyên rừng														
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới thu nhập do hạn chế phát triển diện tích trồng thảo quả mới; ước tính số người dân bị ảnh hưởng														
	Có hay không? diện tích rừng bị suy thoái gây ra tại khu vực mới được mở rộng để trồng thảo quả; ước tính diện tích														
5	Gói giải pháp 5: Nâng cao hiệu quả công tác phát triển rừng trồng														
	Có hay không? người dân trong và ngoài cộng đồng được dự án hỗ trợ về công tác phát triển trồng rừng xảy ra mâu thuẫn (ganh tị); ước tính số người bị ảnh hưởng	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Số vụ tranh chấp quyền sử dụng đất (giữ các xã, bản, hộ) cho mục đích trồng rừng với các hoạt động sinh kế khác của người dân; ước tính diện tích tranh chấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Có hay không? người dân bị ảnh hưởng tới hoạt động chăn thả gia súc khi lực lượng chức năng kiểm soát nghiêm hoạt động này để nhằm bảo vệ, phát triển rừng trồng; ước tính số người bị ảnh hưởng	Không	0	Có	850	Có	121	Không	0	Có	300	Có	195	Không	0
6	Gói giải pháp 6: Gói giải pháp chung														
	Có hay không? người dân có thể hiểu nhầm và trông đợi quá nhiều vào lợi ích từ REDD+ mang lại. Điều này có thể tạo những vấn đề xáo trộn trong cộng đồng dân cư	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0	Không	0
	Có hay không? người dân có sự trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ, đầu tư từ các chương trình, chính sách của nhà nước (như các đề án, dự án, chính sách chi trả DVMTR,...)	Có	1352	Không	0	Không	0	Không	0	Có	1800	Không	0	Không	0

Phụ lục 13. Tổng hợp dân số năm 2018 các xã ưu tiên theo gói giải pháp

TT	Huyện/xã	Chia theo các gói giải pháp (người)					
		Gói GP 1	Gói GP 2	Gói GP 3	Gói GP 4	Gói GP 5	Gói GP 6
Cộng		116.292	89.164	43.176	55.932	115.569	169.576
I	Thân Uyên	37.222	37.222	-	-	33.021	37.222
1	Khoe On	4.822	4.822			4.822	4.822
2	Mường Cang	6.322	6.322			6.322	6.322
3	Mường Kim	11.062	11.062			11.062	11.062
4	Mường Mít	2.098	2.098			2.098	2.098
5	Pha Mu	965	965			965	965
6	Ta Gia	5.396	5.396			5.396	5.396
7	Tà Hừa	2.356	2.356			2.356	2.356
8	Tà Mung	4.201	4.201				4.201
II	Tân Uyên	47.277	-	-	35.606	33.508	47.277
1	Hồ Mít	3.316			3.316	3.316	3.316
2	Mường Khoa	7.266			7.266	7.266	7.266
3	Nậm Cắn	2.209				2.209	2.209
4	Nậm Sỏ	7.887				7.887	7.887
5	Tà Mít	1.575				1.575	1.575
6	Phúc Khoa	4.322			4.322	4.322	4.322
7	TTr Tân Uyên	13.769			13.769		13.769
8	Trung Đồng	6.933			6.933	6.933	6.933
III	Tam Đường	-	-	16.993	18.889	-	33.135
1	Thèn Sin						3.184
2	Sùng Phài			2.078			2.078
3	Tà Lêng			4.280	4.280		4.280
4	Giang Ma						3.784
5	Bình Lư			5.200			5.200
6	Sơn Bình				4.005		4.005
7	Bản Bò				5.169		5.169
8	Khun Há			5.435	5.435		5.435
IV	Sìn Hồ	31.793	51.942	26.183	1.437	49.040	51.942
1	Hồng Thu	4.484	4.484			4.484	4.484
2	Nậm Cuối	4.569	4.569	4.569		4.569	4.569
3	Nậm Hăn		5.423	5.423		5.423	5.423
4	Nậm Tăm	4.377	4.377			4.377	4.377
5	Pa Khóa		2.253	2.253		2.253	2.253
6	Phăng Sô Lin	2.735	2.735			2.735	2.735
7	Pu Sam Cáp		1.437		1.437	1.437	1.437
8	Chăn Nưa	2.902	2.902	2.902			2.902
9	Làng Mô		3.790	3.790		3.790	3.790
10	Pa Tân	4.147	4.147			4.147	4.147
11	Xà Dề Phìn		2.047	2.047		2.047	2.047
12	Tà Ngáo	4.550	4.550			4.550	4.550
13	Tủa Sín Chải		5.199	5.199		5.199	5.199
14	Căn Co	4.029	4.029			4.029	4.029